



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM KẾT QUẢ DỰ THI
CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH ĐẦU RA NỘI BỘ NĂM 2026 - ĐỢT 2
(Theo khung 6 bậc NLNN Việt Nam)

Học phần: Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 17/07/2026

Kỹ năng: Đọc, Viết, Nghe, Nói

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	501250095	Trần Thị Thái	An	19/02/1996	CD25CT11	8.5	7.5	6.0	9.6	7.90	B1
2	601250022	Nguyễn Văn	An	11/09/2007	CL25CT1	6.3	8.5	6.4	6.4	6.90	B1
3	510230118	Nguyễn Lê Thái	An	08/06/2005	CD23CT2	8.3	6.5	6.0	7.2	7.00	B1
4	510240011	Nguyễn Trần Hoài	Anh	02/01/2002	CD24DH1	7.0	0.5	5.2	7.6	5.08	không đạt
5	517240017	Nguyễn Thị Phương	Anh	14/09/2005	CD24TT1	5.5	2.8	2.4	7.6	4.58	không đạt
6	510250330	Nguyễn Thanh Mỹ	Anh	14/11/2007	CD25DH4	7.5	7.5	8.4	9.2	8.15	B1
7	501250403	Dương Chí	Bá	24/09/2007	CD25CT6	9.8	9.5	8.4	10.0	9.43	B1
8	518250016	Đoàn Khoa	Bảo	17/09/2000	CD25CT1	8.0	3.0	6.8	8.0	6.45	không đạt
9	507250140	Lâm Tuấn Gia	Bảo	17/09/2001	CD25DH4	9.3	9.0	8.4	10.0	9.18	B1
10	801240017	Võ Nguyễn Ngọc	Bảo	20/01/2006	TC24TH1	1.8	0.0	1.2	0.0	0.75	không đạt
11	505250381	Lâm Gia	Bảo	06/11/2006	CD25DT2	8.5	6.0	2.0	8.0	6.13	không đạt
12	510230459	Bùi Trí	Bình	06/11/2005	CD23DH1	3.8	6.0	5.6	7.6	5.75	A2
13	512230050	Nguyễn Minh	Chính	08/03/2001	CD23MK1	7.5	6.5	6.0	8.4	7.10	B1
14	501230645	Phạm Anh	Cơ	28/07/2001	CD23CT12	6.5	5.5	5.6	6.8	6.10	B1
15	510240234	Trà Từ	Đan	26/12/2006	CD24DH3	7.5	3.0	6.0	8.8	6.33	không đạt
16	501240026	Nguyễn Văn	Đạt	23/07/2004	CD24CT11	7.0	5.0	5.6	6.8	6.10	B1
17	801240021	Nguyễn Quốc	Đạt	07/02/2009	TC24TH1	6.0	4.0	4.8	6.8	5.40	A2
18	501250368	Phan Tấn	Đạt	17/06/2007	CD25CT6	9.0	7.3	6.8	8.4	7.88	B1
19	502240012	Lê Hoàng	Dũng	21/03/1998	CD24TM1	9.3	9.0	8.4	9.2	8.98	B1
20	510250082	Trần Ngọc Thùy	Dương	03/10/2000	CD25DH3	9.8	9.5	9.6	9.6	9.63	B1
21	510240221	Đặng Hữu	Dương	29/03/2006	CD24DH2	6.5	4.8	6.8	4.4	5.63	A2
22	501240255	Trần Huỳnh Bảo	Duy	11/10/2006	CD24CT_CLC	8.0	7.3	3.6	7.2	6.53	B1
23	510240360	Phạm Quốc	Duy	19/05/2006	CD24DH1	8.5	6.3	8.0	8.8	7.90	B1
24	510240005	Ngô Thị Ngân	Hà	26/12/2005	CD24DH1	9.0	9.5	8.4	8.4	8.83	B1
25	606230023	Phạm Thành	Hậu	11/08/2006	CL23CM1	6.0	4.3	4.0	8.0	5.58	A2
26	510240370	Trần Nguyễn Phương	Hiền	15/05/2004	CD24DH1	8.3	8.5	7.2	9.2	8.30	B1
27	501230644	Đoàn Minh	Hiếu	29/01/2001	CD23CT12	6.3	3.8	5.2	6.8	5.53	A2
28	501230270	Thái Huỳnh Trung	Hiếu	30/10/2005	CD23CT4	9.0	6.5	6.0	8.0	7.38	B1
29	501240260	Bùi Văn	Hiếu	02/06/2003	CD24CT2	9.5	7.0	8.4	9.2	8.53	B1
30	501240275	Nguyễn Huy	Hoàng	22/08/2003	CD24CT_CLC	8.8	8.3	8.8	9.6	8.88	B1
31	501230604	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	08/09/2001	CD23CT12	6.5	4.8	4.0	9.2	6.13	B1
32	502240137	Hà Quốc	Hội	04/11/2003	CD24TM1	8.8	6.8	8.8	9.2	8.40	B1
33	517240046	Nguyễn Đan	Hùng	24/03/2003	CD24TT1	6.0	6.0	7.6	7.6	6.80	B1
34	513230178	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	25/08/2004	CD23TD1	5.8	2.0	6.8	6.8	5.35	không đạt
35	501240237	Ngô Gia	Huy	28/08/2004	CD24CT_CLC	5.5	5.0	4.0	8.0	5.63	không đạt
36	501240304	Trần Nhật Quang	Huy	17/03/2005	CD24CT_CLC	7.3	6.0	4.4	8.0	6.43	B1
37	606250049	Võ Bảo	Huy	28/09/2007	CL25CM1	6.3	6.8	6.0	4.8	5.98	A2
38	801240002	Huỳnh Kim	Huy	10/12/2000	TC24TH1	9.0	7.0	7.2	7.2	7.60	B1
39	801240005	Trần Hoàng	Huy	04/05/2003	TC24TH1	8.8	7.5	8.4	7.2	7.98	B1
40	501230026	Diệp Tuấn	Khải	04/02/2004	CD23CT1	8.3	5.5	7.2	8.0	7.25	B1
41	501240311	Nguyễn Võ Duy	Khang	01/05/2006	CD24CT_CLC	6.5	6.3	8.8	9.2	7.70	B1
42	601250050	Trần Giang Duy	Khanh	13/05/2007	CL25CT1	8.5	7.0	6.0	5.4	6.73	B1
43	518240415	Nguyễn Minh	Khánh	30/01/2002	CD24TW1	5.3	4.0	2.8	6.8	4.73	không đạt
44	501240329	Trịnh Anh	Khiêm	23/11/2006	CD24CT_CLC	8.0	7.5	9.2	8.4	8.28	B1
45	501240434	Nguyễn Anh	Khoa	26/09/2002	CD24CT7	10.0	9.0	9.6	8.0	9.15	B1
46	517240072	Ngô Huỳnh Minh	Khoa	04/10/2006	CD24TT1	3.0	3.8	2.8	7.6	4.30	không đạt

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
47	506230322	Cao Nguyễn Đăng	Khoa	21/10/2005	CD23CM1	9.3	8.5	7.6	8.4	8.45	B1
48	501240178	Lê Đỗ Đăng	Khôi	06/07/2006	CD24CT_CLC	3.8	4.0	4.4	7.2	4.85	không đạt
49	514250164	Phạm Tuấn	Khuong	24/09/2007	CD25DH4	7.5	7.0	5.6	8.8	7.23	B1
50	501230396	Nguyễn Trung	Kiên	01/08/2005	CD23CT2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
51	606250011	Trần Đình Gia	Kiệt	02/01/2007	CL25CM1	3.5	0.0	8.4	4.8	4.18	không đạt
52	506250216	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	12/09/2006	CD25CM3	9.0	8.8	9.6	10.0	9.35	B1
53	510230164	Trương Võ Tuấn	Kiệt	06/08/2003	CD23DH3	4.3	1.0	2.4	0.0	1.93	không đạt
54	506250495	Châu Tuấn	Kiệt	18/11/2007	CD25CT_CLC	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
55	501230506	Triệu Khánh	Lâm	20/10/2005	CD23CT6	3.3	4.0	1.6	6.8	3.93	không đạt
56	510240211	Bùi Ngọc	Lâm	08/10/2006	CD24DH2	2.8	3.0	2.4	4.0	3.05	không đạt
57	801240014	Trần Thị Ngọc	Lan	23/07/2008	TC24TH1	5.8	2.5	7.6	7.6	5.88	không đạt
58	501230386	Nguyễn Chí	Linh	31/10/2005	CD23CT3	7.3	8.0	8.4	7.6	7.83	B1
59	602250024	Nguyễn Đình	Lộc	20/08/2005	CL25TM1	8.5	4.8	7.2	7.2	6.93	B1
60	514250252	Huỳnh Hữu	Lộc	27/06/2007	CD25LM3	7.8	7.0	8.8	10.0	8.40	B1
61	501230184	Bùi Hữu	Lộc	28/05/2005	CD23CT5	8.0	0.8	6.0	8.0	5.70	không đạt
62	501240129	Lê Nguyễn Bảo	Long	03/05/2006	CD24CT3	7.0	5.5	5.6	8.4	6.63	B1
63	501240111	Mai Tiểu	Long	25/01/2006	CD24CT2	7.0	6.5	7.6	8.4	7.38	B1
64	510230091	Cao Phi	Long	28/02/2004	CD23DH3	7.0	6.3	7.2	7.2	6.93	B1
65	510250193	Lê Thanh	Long	14/07/2007	CD25DH4	4.8	1.8	3.2	8.0	4.45	không đạt
66	510240126	Nguyễn Thị Trúc	Ly	10/03/2006	CD24DH3	6.8	6.0	6.4	9.2	7.10	B1
67	801240020	Lý Chí	Mãn	20/07/2009	TC24TH1	7.0	8.0	2.4	7.6	6.25	không đạt
68	606250010	Nguyễn Quốc	Mãn	29/12/2007	CL25CM1	7.8	7.5	5.2	5.4	6.48	B1
69	501250424	Lê Công	Minh	03/05/2007	CD25CT8	9.3	6.0	8.4	9.6	8.33	B1
70	801240010	Sa Sao	Monny	09/08/2009	TC24TH1	3.8	5.0	5.2	6.8	5.20	A2
71	517230537	Tô Thị Kiều	My	12/12/1997	CD23TT1	8.8	6.5	4.8	7.6	6.93	B1
72	501240059	Trịnh Hoàng	Nam	28/06/2005	CD24CT3	9.5	8.5	8.4	7.6	8.50	B1
73	608250004	Nguyễn Thanh	Ngân	10/03/2003	CL25KT1	7.3	1.8	6.4	5.6	5.28	không đạt
74	510240092	Bùi Quách Bảo	Ngọc	18/11/2004	CD24DH3	4.8	7.5	6.8	6.8	6.48	B1
75	601250045	Nguyễn Thanh	Nguyễn	24/09/2007	CL25CT1	7.8	6.5	4.4	9.6	7.08	B1
76	501230236	Nguyễn Trần	Nguyễn	14/02/2005	CD23CT4	8.0	8.0	5.6	9.2	7.70	B1
77	601250023	Lê Thiện	Nhân	26/08/2004	CL25CT1	9.5	9.0	8.5	9.0	9.00	B1
78	502240284	Lương Thế	Nhật	01/01/2006	CD24TM1	2.3	0.3	2.0	5.2	2.45	không đạt
79	601250005	Huỳnh Minh	Nhí	12/09/1997	CL25CT1	7.3	3.8	6.0	6.8	5.98	A2
80	510240306	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	20/04/2006	CD24DH1	9.0	9.0	8.0	6.8	8.20	B1
81	512240115	Nguyễn Thị Tú	Nữ	20/10/2006	CD24MK1	6.5	4.0	7.6	5.2	5.83	A2
82	517240078	Hồ Thị Kim	Oanh	06/08/2006	CD24TT1	5.8	3.8	5.2	6.8	5.40	A2
83	510250155	Từ Kiến	Phong	25/03/2007	CD25DH4	9.5	9.0	7.2	9.6	8.83	B1
84	601250041	Đỗ Hoàng	Phú	13/02/2006	CL25CT1	7.8	8.3	7.2	7.2	7.63	B1
85	501250061	Lâm Đường	Phú	02/08/1999	CD25CT2	6.5	5.0	4.0	6.4	5.48	A2
86	501230444	Nguyễn Minh	Phú	28/01/2005	CD23CT2	7.3	3.8	7.2	7.2	6.38	B1
87	601250015	Nguyễn Quang	Phúc	14/10/2007	CL25CT1	8.3	7.5	6.4	8.0	7.55	B1
88	508240256	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	24/02/2006	CD24KT1	5.0	3.0	2.8	6.8	4.40	không đạt
89	510250213	Trần Đại	Phước	16/12/2006	CD25DH3	4.8	1.8	6.4	6.8	4.95	không đạt
90	508240257	Cao Minh Thái	Phương	23/10/2006	CD24KT1	6.5	6.3	6.4	7.6	6.70	B1
91	602250019	Nguyễn Tú Đông	Phương	07/11/2001	CL25TM1	6.3	5.3	7.2	9.2	7.00	B1
92	801240012	Nguyễn Ngọc Thế	Quân	25/05/2005	TC24TH1	6.5	1.8	5.2	9.2	5.68	không đạt
93	510230413	Lê Trần Anh	Quân	13/05/2003	CD23DH3	4.3	1.8	5.6	5.2	4.23	không đạt
94	801240011	Phan Vinh	Quang	10/04/2006	TC24TH1	2.3	0.8	0.8	6.0	2.48	không đạt
95	501240300	Phan Văn Tấn	Quang	01/04/2006	CD24CT_CLC	8.0	6.5	7.2	7.6	7.33	B1
96	601240035	Tôn Thất	Quang	15/11/2007	CL24CT1	7.0	6.8	6.4	7.2	6.85	B1
97	501250034	Tôn Đức	Quang	03/01/2002	CD25CT1	6.5	6.5	6.4	9.2	7.15	B1
98	510230417	Huỳnh Quốc Gia	Quyên	17/11/2004	CD23DH3	9.8	7.0	7.2	8.4	8.10	B1
99	518240057	Hồ Nữ Như	Quỳnh	04/01/2005	CD24TW1	7.3	7.3	5.2	6.8	6.65	B1
100	501250121	Nguyễn Quang	Sáng	02/10/2007	CD25CT4	7.0	3.8	7.2	8.0	6.50	B1
101	501230228	Từ Công	Son	13/04/2005	CD23CT5	6.0	5.5	5.6	6.4	5.88	A2
102	801240009	Sa Sao	Sundy	09/08/2009	TC24TH1	4.8	4.0	4.4	7.2	5.10	A2

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
103	602250035	Phan Nguyễn Nhật	Tâm	28/11/2005	CL25TM1	0.0	0.0	1.2	0.0	0.30	không đạt
104	513240336	Nguyễn Minh Viết	Tâm	30/07/1999	CD24TD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
105	501240313	Ngô Nguyễn Chí	Tâm	16/07/2006	CD24CT4	9.3	8.0	9.2	8.8	8.83	B1
106	514240418	Phạm Quang	Thái	19/11/2002	CD24LM1	4.0	6.5	4.8	7.2	5.63	A2
107	501240183	Nguyễn Ngọc	Thành	13/03/2000	CD24CT_CLC	4.3	4.0	4.4	7.6	5.08	không đạt
108	801240023	Nguyễn Thị Mai	Thi	05/07/2003	TC24TH1	7.3	6.0	6.8	7.2	6.83	B1
109	514250168	Lê Võ Trí	Thiện	02/07/2007	CD25LM3	7.5	8.0	7.2	7.2	7.48	B1
110	801240013	Nguyễn Phi Khắc	Thịnh	23/10/2008	TC24TH1	4.8	1.0	0.4	5.2	2.85	không đạt
111	801240006	Đoàn Gia	Thịnh	20/05/2009	TC24TH1	8.3	8.0	8.8	8.0	8.28	B1
112	501240248	Nguyễn Hoàng	Thông	21/10/2005	CD24CT2	5.5	1.0	4.0	6.8	4.33	không đạt
113	510240061	Vũ Ngọc Minh	Thư	04/06/2004	CD24DH3	4.8	7.3	5.6	6.8	6.13	B1
114	801240004	Huỳnh Nguyễn Công	Tin	14/09/2009	TC24TH1	4.5	4.0	4.4	7.6	5.13	A2
115	510240062	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	16/11/2006	CD24DH3	9.5	9.0	8.8	10.0	9.33	B1
116	501250022	Nguyễn Minh	Triệu	15/02/2006	CD25CT1	7.3	6.8	7.6	8.0	7.43	B1
117	510240180	Trương Thành	Trung	30/10/2006	CD24DH2	8.5	6.0	6.8	8.4	7.43	B1
118	501240014	Trần Ngọc Anh	Tú	23/10/2005	CD24CT1	9.3	8.5	6.0	8.8	8.15	B1
119	508230133	Phạm Kiều Cẩm	Tú	16/10/2005	CD23KT1	9.0	9.0	6.0	6.8	7.70	B1
120	601250036	Trần Anh	Tuấn	23/03/2007	CL25CT1	1.8	1.0	3.2	6.4	3.10	không đạt
121	801240008	Nguyễn Lê	Tuấn	14/08/2006	TC24TH1	6.3	7.5	6.4	7.6	6.95	B1
122	501250473	Dương Bá	Tùng	24/09/2007	CD25CT8	9.5	9.5	9.6	8.8	9.35	B1
123	601250051	Trần Hải	Tường	15/10/2007	CL25CT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
124	510230232	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	07/06/2005	CD23DH2	4.0	1.5	5.2	6.8	4.38	không đạt
125	501230481	Ngô Thị Kim	Uyên	14/11/2003	CD23CT6	3.8	7.0	4.0	6.4	5.30	A2
126	510240285	Nguyễn Lưu Mỹ	Uyên	11/11/2006	CD24DH2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
127	501240125	Nguyễn Hoàng	Việt	30/08/2006	CD24CT2	9.0	8.0	7.2	7.2	7.85	B1
128	510240127	Châu Hùng	Việt	29/08/2006	CD24DH3	8.5	6.5	4.8	7.6	6.85	B1
129	513230359	Trần Công	Vinh	26/12/2005	CD23TD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
130	510230268	Hà Thanh	Vinh	05/09/2005	CD23DH3	6.8	7.0	5.2	8.4	6.85	B1
131	501230146	Nguyễn Thành	Vinh	31/10/2005	CD23CT2	5.0	6.0	6.0	6.0	5.75	A2
132	510240188	Đào Quang	Vinh	22/10/2006	CD24DH3	9.5	6.5	7.2	7.6	7.70	B1
133	801240003	Huỳnh Công	Vinh	16/07/2009	TC24TH1	9.0	4.0	6.8	7.6	6.85	B1
134	501230442	Đào Kim Nhật	Vương	12/09/2003	CD23LM1	8.8	7.5	4.4	9.2	7.48	B1
135	510250142	Phạm Nguyễn Thủy	Vy	01/04/2007	CD25DH3	9.8	9.5	8.0	8.4	8.93	B1
136	510240228	Phạm Khánh	Vy	23/03/2006	CD24DH2	4.5	4.0	5.2	6.4	5.03	không đạt
137	608240022	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	19/08/2005	CL24KT1	8.8	8.0	8.0	7.2	8.00	B1

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Trung cấp điểm TB ≥ 4.0
 Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Cao đẳng điểm TB > 5
 Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Chất lượng cao điểm TB > 6
 Điểm liệt: có 1 trong 4 kỹ năng ≤ 3.5

Tổng số sinh viên dự thi: 131
 Tổng số đạt : 98
 Tổng số không đạt: 33
 Tổng số bỏ thi: 6.0

Ngày 23 tháng 07 năm 2026

Khoa Đại Cương

ThS. Ngô Trọng Minh